

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn; Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký ghi phiên tòa: Ông Bùi Văn Hường - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/4/2024.

- Bị đơn: chị **Bùi Thị A**, sinh năm 1990. Địa chỉ nơi ĐKNKTT: **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: **xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Vũ Đức T** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị **Bùi Thị A** kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương** và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng nhiều năm trở lại đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ rất nhiều năm nay, không thăm hỏi, quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với chị **A**.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là cháu **Vũ Phương T1**, sinh ngày 03/05/2012 và cháu **Vũ Đức Xuân T2**, sinh ngày 29/06/2013. Kể từ sau khi ly thân cho đến nay các cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 con chung và chưa yêu cầu chị **A** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh **T** không có yêu cầu gì thêm.

Về phía chị **Bùi Thị A**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị **A** vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

** Tại biên bản xác minh ngày ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú hiện tại của chị **Bùi Thị A** có nội dung:*

Chị **Bùi Thị A**, sinh năm 1990 có Hộ khẩu thường trú tại **xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình** có đến **UBND xã T** để xin cấp chứng nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với anh **Vũ Đức T** năm 2011 tại **huyện T, tỉnh Hải Dương**.

Sau khi kết hôn chị **A** chuyển về sinh sống cùng anh **T** nên về cuộc sống chung của vợ chồng, con cái, tài sản và các vấn đề khác địa phương không nắm được.

Thời gian gần đây chị **A** có thường xuyên về thăm nhà tại **xã T**, có vẻ làm căn cước công dân. Công an xã có nhận được yêu cầu xác minh từ TAND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về sự có mặt của chị **A** tại nơi ĐKNKTT. Công an xã có tiến hành thông báo cho chị **A** nhưng phía chị **A** chỉ cung cấp số điện thoại để liên lạc,

không cung cấp địa chỉ nơi chị **A** đang làm việc. Tết năm 2024 chị **A** có về địa phương ngày thăm gia đình.

** Tại biên bản xác minh ngày ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi ĐKNKTT của chị **Bùi Thị A** và anh **Vũ Đức T** có nội dung:*

Anh **Vũ Đức T** và chị **Bùi Thị A** kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã **C**, huyện **T**, tỉnh **Hải Dương**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhiều năm trở lại đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Chị **A** vắng mặt tại địa phương nhiều năm liền, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới, địa phương không nắm được cụ thể về mâu thuẫn giữa hai bên. Chỉ biết rằng hai vợ chồng ly thân rất lâu, chị **A** không về thăm chồng, thăm con, để mặc cho anh **T** một mình chăm sóc, nuôi dạy các cháu, vì vậy địa phương nhận định khả năng đoàn tụ của hai vợ chồng là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh **T** và chị **A** có 02 con chung là cháu **Vũ Phương T1**, sinh ngày 03/05/2012 và cháu **Vũ Đức Xuân T2**, sinh ngày 29/06/2013. Sau khi ly thân cho đến nay các cháu đang ở với anh **T**.

Về điều kiện nuôi con của anh **T**:

Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức: Anh **T** nhìn chung luôn giữ gìn tư cách, có lối sống hòa đồng với hàng xóm láng giềng.

Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: Anh **T** hiện là công nhân, thu nhập hàng tháng nhìn chung ổn định, tại địa phương anh **T** có chỗ ở, có sự hỗ trợ của bố mẹ để nên đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: anh **T** có đủ điều kiện về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị **A** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T**.

- Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu **Vũ Phương T1**, sinh ngày 03/05/2012 và cháu **Vũ Đức Xuân T2**, sinh ngày 29/06/2013 cho anh **T** trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **T** chưa đề nghị chi **A** cấp dưỡng nuôi con và chi **A** không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung; Về công nợ chung: Đề nghị không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là chị **Bùi Thị A** có hộ khẩu thường trú tại **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương**, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm, quá trình giải quyết theo kết quả xác minh hiện tại chị **Bùi Thị A** không còn cư trú tại **xã C** một thời gian dài, hiện đang sinh sống tại **xã T, huyện L** nên đã chuyển vụ án về Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giải quyết theo thẩm quyền về lãnh thổ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh **T** và chị **A** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn chị **Bùi Thị A** vắng mặt nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Chị **Bùi Thị A** đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** và chị **A**.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị **A** và anh **T** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị **A** và anh **T** không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

chị **A** đã về **huyện L** sinh sống nhiều năm nay, không còn quan tâm đến anh **T** và các con chung. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị **A** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T** là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh **T** và chị **A** có 02 con chung là cháu **Vũ Phương T1**, sinh ngày 03/05/2012 và cháu **Vũ Đức Xuân T2**, sinh ngày 29/06/2013, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh **T**. Vợ chồng ly hôn anh **T** đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và chưa yêu cầu chị **A** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi vợ chồng ly hôn mà có con chung đủ 7 tuổi trở lên thì Tòa án bắt buộc phải xem xét nguyện vọng của con. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu **Vũ Phương T1** và cháu **Vũ Đức Xuân T2**, trình bày nguyện vọng được ở với anh **T** khi bố mẹ ly hôn.

Theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Trên cơ sở nguyên tắc này có thể hiểu người cha và người mẹ bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân và ngay cả khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của chị **A** và anh **T**: Chị **A** không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, anh **T** đủ mọi điều kiện để nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho hai con chung có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần chấp nhận yêu cầu của anh **T** và nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi, giao 02 con chung cho anh **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] *Vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Do anh **T** chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, chị **A** chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được xử lý bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: không có; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Anh **Vũ Đức T** được ly hôn chị **Bùi Thị A**.

2. Về con chung, cấp dưỡng: Giao 02 con chung là cháu **Vũ Phương T1**, sinh ngày 03/05/2012 và cháu **Vũ Đức Xuân T2**, sinh ngày 29/06/2013 cho anh **Vũ Đức T** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 5/2024 trở đi cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị **A** chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh **Vũ Đức T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001440 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh **Vũ Đức T** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Thanh Miện;
- UBND xã Chi Lăng nam (Theo đăng ký kết hôn số 57 ngày 16/11/2011);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa